

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH  
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2022<sup>1</sup>:

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                           | Thực hiện<br>2021 | Thực hiện<br>2022 | 2022 so<br>với 2021 | Kế hoạch 2022 do<br>ĐHĐCĐ giao | Kết quả |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|---------------------|--------------------------------|---------|
| Tổng tài sản                       | 1.414.986         | 1.813.815         | 28,2%               | + 8%                           | Đạt     |
| Dư nợ tín dụng                     | 972.680           | 1.156.148         | 19 %                | + 19.05 % <sup>2</sup>         | Đạt     |
| Huy động vốn                       | 1.152.712         | 1.257.806         | 9%                  | + 9%                           | Đạt     |
| Lợi nhuận trước<br>thuế hợp nhất   | 27.486            | 37.368            | 35,95%              | Tối thiểu<br>+ 12%             | Đạt     |
| Lợi nhuận trước<br>thuế riêng lẻ   | 26.544            | 36.702            | 38,27%              |                                | Đạt     |
| Tỷ lệ nợ xấu cho<br>vay khách hàng | 0,63%             | 0,68%             |                     | < 1,5 %                        | Đạt     |

Năm 2022, thế giới đứng trước những thách thức chưa từng có bởi tác động kép từ hậu quả của đại dịch Covid-19 và xung đột Nga - Ukraina. Giá năng lượng và thực phẩm tăng cao, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, lạm phát leo thang ở mức kỷ lục trong nhiều thập niên buộc Ngân hàng Trung ương nhiều nước phải thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng mạnh lãi suất điều hành; kinh tế toàn cầu có nguy cơ rơi vào suy thoái...

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam năm 2022 mặc dù không tránh khỏi những tác

<sup>1</sup> Số liệu tại Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 đã kiểm toán. Số liệu báo cáo năm 2021 được trình bày lại theo số kiểm toán nhà nước.

<sup>2</sup> Ngày 30/09/2022 CV phê duyệt của NHNN số 793/NHNN-CSTT v/v chấp thuận điều chỉnh tăng trưởng TD 2022 cho VCB lên mức 18,5%. Ngày 05/12/2022 NHNN tiếp tục có CV 8536/NHNN-CSTT phê duyệt điều chỉnh kế hoạch dư nợ tín dụng của VCB tăng thêm 5.000 tỷ, đưa tổng mức tăng trưởng cả năm lên 19,05%.

động bất lợi nhưng đã cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ, về cơ bản đã vượt qua những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 và đang lấy lại đà tăng trưởng vốn có. GDP tăng 8,02%, CPI bình quân tăng 3,15%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm 2021, trong đó, xuất khẩu tăng 10,6%, nhập khẩu tăng 8,4%, xuất siêu ước đạt 11,2 tỷ USD.

Trong bối cảnh thị trường tài chính trong nước chịu nhiều sức ép từ thị trường quốc tế cũng như biến động bất lợi của thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán và thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong nước, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chủ động, linh hoạt chính sách tiền tệ, góp phần quan trọng bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ vốn cho nền kinh tế, duy trì động lực tăng trưởng.

Năm 2022, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) đạt nhiều kết quả kinh doanh khả quan, đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, tiếp tục dẫn đầu hệ thống ngân hàng về quy mô lợi nhuận, chất lượng tài sản và hiệu quả kinh doanh. Cụ thể:

- **Về quy mô:**

+ Tổng tài sản đạt 1.813.815 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2021, đạt 119% kế hoạch năm 2022 do ĐHĐCĐ giao (ĐHĐCĐ).

+ Tổng huy động vốn đạt 1.257.806 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2021, đạt 100% kế hoạch năm 2022 do ĐHCĐ giao. Tỷ trọng huy động vốn không kỳ hạn bình quân ở mức 34%, tăng 1,8 điểm % so với năm 2021.

+ Dự nợ tín dụng đạt 1.156.148 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2021, trong giới hạn tăng trưởng tín dụng được Ngân hàng Nhà nước giao và đạt 103% kế hoạch năm do ĐHCĐ giao.

+ Quy mô vốn hóa thị trường của VCB đạt ~16,5 tỷ USD, tiếp tục là doanh nghiệp niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất Việt Nam, lần đầu tiên lọt vào nhóm 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu theo thống kê của Reuters.

- **Về chất lượng tín dụng:**

VCB tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu. Dự nợ xấu nội bảng là 7.820 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu 0,68%, trong khi dự quỹ dự phòng rủi ro ở mức 24.779 tỷ đồng. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng là 317%, cao nhất ngành ngân hàng

- **Về hiệu quả:**

+ Thu hồi nợ ngoại bảng đạt 2.395 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 37.368 tỷ đồng, tăng ~ 36% so với năm 2021 và vượt kế hoạch năm 2022 do ĐHCĐ giao (tăng tối thiểu 12%), tiếp tục là ngân hàng có quy mô lợi nhuận dẫn đầu thị trường.

+ Chỉ số ROAA và ROAE duy trì ở mức cao, tương ứng là 1,85% và 24,44% .

- **Về tình hình chấp hành các tỷ lệ an toàn hoạt động:**

VCB đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN. Hệ số an toàn vốn CAR đạt 9,95%.

## II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### 1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên:

Hầu hết các dự án đều được triển khai và hoàn thành đúng tiến độ phê duyệt. Một số dự án không thể triển khai được/chậm tiến độ do gặp một số khó khăn vướng mắc khách quan.

Chi tiết tình hình thực hiện các dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên theo **Phụ lục 01** đính kèm.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Trong năm 2022, VCB đã thực hiện (i) tăng thêm vốn đầu tư vào Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank (VCBS); (ii) thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Quỹ bảo lãnh tín dụng nhỏ và vừa TP. Hồ Chí Minh; (iii) thoái một phần vốn đầu tư tại Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| STT | Tên đơn vị                              | Vốn đầu tư<br>31/12/2022 | Vốn đầu tư<br>31/12/2021 | Tăng/giảm vốn<br>đầu tư |
|-----|---|--------------------------|--------------------------|-------------------------|
| 1   | Công ty TNHH Chứng khoán VCB            | 1.734,82                 | 700                      | 1.034,82                |
| 2   | Quỹ bảo lãnh tín dụng nhỏ và vừa TP HCM | 0                        | 1,86                     | - 1,86                  |
| 3   | Tổng Công ty hàng không Việt Nam        | 248,77                   | 379,22                   | - 130,45                |

## III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đến tháng hết năm 2022, VCB có 5 công ty con do VCB nắm giữ 100% vốn điều lệ (VCB Lào, VCBL, VCBR, VCBS, VFC) và 4 công ty con do VCB nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (VBB, VCBF, VCBM, VCBT). Các công ty con của VCB đều hoạt động hiệu quả, kinh doanh có lãi và ghi nhận nhiều kết quả tích cực.

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty con do VCB nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

1. Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank (VCBL) là Công ty do VCB sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 132,23 tỷ đồng.

2. Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank (VCBS) là công ty do VCB sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Mặc dù thị trường Chứng khoán

năm 2022 có nhiều biến động tiêu cực nhưng Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 250,19 tỷ đồng.

**3. Công ty tài chính Việt Nam tại HongKong (VFC)** là Công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực Tài chính tại thị trường Hong Kong. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2022. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 1,17 triệu HKD.

**4. Công ty TNHH MTV Kiều hối Vietcombank (VCBR)** là Công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực Nhận kiều hối từ đối tác nước ngoài và thực hiện chi, trả cho người thụ hưởng tại Việt Nam. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2022. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 10,12 tỷ đồng.

**5. Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào (VCB Lào)** là Ngân hàng con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng tại thị trường Lào. Mặc dù thị trường có nhiều biến động trong năm 2022 nhưng VCB Lào vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 23,45 tỷ LAK.

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty con do VCB nắm giữ trên 50% vốn điều lệ như sau:

**1. Công ty Chuyên tiền Vietcombank (VCBM)** là Công ty con do Vietcombank nắm giữ 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyên tiền kiều hối tại Mỹ và chuyển về Việt Nam thông qua các đối tác chi trả trong nước. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2022. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 693 nghìn USD.

**2. Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198 (VCBT)** là Công ty liên doanh giữa Vietcombank và Công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30, hoạt động trong lĩnh vực Cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2022 với tỷ lệ cho thuê đạt 100%. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 75,32 tỷ đồng.

**3. Công ty liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Benthanh (VBB)** là Công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty cổ phần DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%, 18% và 30%. VBB hoạt động trong lĩnh vực Cho thuê tòa nhà văn phòng tại tòa nhà Vietcombank địa chỉ số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc cho Chi nhánh và các đơn vị trực thuộc của Vietcombank trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2022 với tỷ lệ cho thuê đạt 98%. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 183,08 tỷ đồng.

**4. Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (VCBF)** Công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: Thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng

khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2022. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 10,52 tỷ đồng.

Chi tiết Tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh tại các công ty con do VCB nắm cổ phần chi phối tại **Phụ lục 02** đính kèm

Trân trọng./.



**Nơi nhận:**

- Vụ TCKT NHNN (để b/c);
- TV HĐQT (để biết);
- Người CBTT theo ủy quyền (để biết);
- Lưu: CL&TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Quang Dũng**

**PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA NGÂN HÀNG**

*Đơn vị: triệu đồng*

| TT   | Tên dự án   | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án |
|--|---|-----------------|----------------|---------|----------|---|---------------------------|
| <b>Dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định</b> |   |                 |                |         |          |   |                           |
| 1  | Dự án xây dựng kho lưu trữ tài liệu tập trung cho các Chi nhánh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận tại tỉnh Long An | 373,295         | 373,295        | 0       | 0        | 315,605   | 2016-2019                 |
| 2  | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Cần Thơ   | 92,291          | 92,291         | 0       | 0        | 79,004  | 2017-2021                 |
| 3  | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Thủ Đức   | 102,754         | 102,754        | 0       | 0        | 84,855  | 2017-2021                 |
| 4  | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Bắc Sài Gòn   | 80,315          | 80,315         | 0       | 0        | 68,973  | 2017-2020                 |
| 5  | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Lạng Sơn  | 66,920          | 66,920         | 0       | 0        | 56,045  | 2018-2021                 |
| 6  | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Phú Yên   | 83,109          | 83,109         | 0       | 0        | 58,411  | 2017-2020                 |

| TT | Tên dự án   | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án |
|----|---|-----------------|----------------|---------|----------|---|---------------------------|
| 7  | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Kon Tum   | 80,529          | 80,529         | 0       | 0        | 71,029  | 2016-2019                 |
| 8  | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Quảng Trị   | 72,246          | 72,246         | 0       | 0        | 54,194  | 2018-2021                 |
| 9  | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Lào Cai   | 70,885          | 70,885         | 0       | 0        | 47,122  | 2018-2021                 |
| 10 | Xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Phú Thọ tại Đường Trần Phú, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ | 72,542          | 72,542         | 0       | 0        | 51,674  | 2019-2022                 |
| 11 | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Đồng Tháp   | 80,320          | 80,320         | 0       | 0        | 59,994  | 2018-2022                 |
| 12 | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Bạc Liêu  | 69,101          | 69,101         | 0       | 0        | 46,584  | 2018-2022                 |
| 13 | Mua đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Phú Thọ  | 54,393          | 54,393         | 0       | 0        | 54,393  | 2017                      |
| 14 | Mua nhà/đất làm trụ sở Chi nhánh Vietcombank Nam Định   | 136,050         | 136,050        | 0       | 0        | 136,094   | 2016-2017                 |

| TT | Tên dự án   | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án  |
|----|---|-----------------|----------------|---------|----------|---|--|
| 15 | Mua QSH tài sản trên đất làm trụ sở cho Chi nhánh Vietcombank Hoàng Mai     | 183,486         | 183,486        | 0       | 0        | 167,019   | 2017-2018  |
| 16 | Mua trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Tuyên Quang                       | 75,700          | 75,700         | 0       | 0        | 75,510  | 2018   |
| 17 | Mua đất và xây dựng trụ sở làm việc cho chi nhánh Vietcombank Ninh Bình     | 139,300         | 139,300        | 0       | 0        | 139,327   | 2017-2018  |
| 18 | Mua trụ sở cho Chi nhánh Vietcombank Thành Công                             | 368,700         | 368,700        | 0       | 0        | 368,000   | 2017-2018  |
| 19 | Nhận chuyển nhượng QSD đất và TS trên đất làm Trung tâm đào tạo Vietcombank | 795,000         | 795,000        | 0       | 0        | 794,500   | 2017-2019  |
| 20 | Mua đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Bình Phước                 | 87,500          | 87,500         | 0       | 0        | 0   | VCB đã tham gia đấu giá vào ngày 31/12/2020 nhưng không thành công do giá trúng đấu giá cao hơn tổng mức đầu tư được duyệt. VCB sẽ tìm địa điểm khác |



| TT | Tên dự án   | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án   |
|----|---|-----------------|----------------|---------|----------|---|---|
|    |   |                 |                |         |          |   | phù hợp trình NHNN phê duyệt.   |
| 21 | Thuê trụ sở Chi nhánh Vietcombank Ba Đình   | 309,200         | 309,200        | 0       | 0        | 264,780   | 2022  |
| 22 | Mua trụ sở cho Chi nhánh Vietcombank Thanh Xuân, Công ty chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt và Ban hiện hóa ngân hàng, Trung tâm dịch vụ khách hàng của Vietcombank | 460,000         | 460,000        | 0       | 0        | 0   | Dừng triển khai dự án do QSD đất và QSH tài sản trên đất của Bên Bán không đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật để chuyển nhượng cho VCB. VCB đã chuyển sang hình thức thuê tài sản hoạt động. |
| 23 | Mua đất xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Bến Tre  | 64,400          | 64,400         | 0       | 0        | 0   | Dừng triển khai dự án do UBND Tỉnh Bến Tre thay đổi quy hoạch khu đất và không tổ chức đấu giá.   |
| 24 | Mua trụ sở cho Chi nhánh Vietcombank Sở Giao dịch   | 841,000         | 841,000        | 0       | 0        | 0   | Dừng triển khai dự án do QSD đất và QSH tài sản trên đất của Bên Bán không đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật để chuyển nhượng cho VCB.  |

| TT | Tên dự án  | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án   |
|----|--|-----------------|----------------|---------|----------|---|---|
|    |  |                 |                |         |          |   | VCB đã chuyển sang hình thức thuê tài sản hoạt động.  |
| 25 | Mua trụ sở Chi nhánh Vietcombank Thái Nguyên   | 200,000         | 200,000        | 0       | 0        | 0   | VCB không triển khai dự án do Bên Bán thay đổi kế hoạch không có nhu cầu bán tài sản  |
| 26 | Nhận chuyển nhượng QSD đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Hòa Bình (đấu giá) | 150,500         | 150,500        | 0       | 0        | 0   | VCB không triển khai thực hiện do tài sản có mức giá khởi điểm cao hơn tổng mức đầu tư được NHNN phê duyệt  |
| 27 | Nhận chuyển nhượng QSD đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Tân Sơn Nhất       | 270,000         | 270,000        | 0       | 0        | 0   | Không triển khai thực hiện do trong quá trình đàm phán, VCB và chủ sở hữu tài sản không thương thảo được giá trị chuyển nhượng phù hợp với mong muốn của Hai bên. VCB đang xem xét địa điểm khác phù hợp. |

| TT | Tên dự án  | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án  |
|----|--|-----------------|----------------|---------|----------|---|--|
| 28 | Mua trụ sở Chi nhánh Vietcombank Hội An  | 124,572         | 124,572        | 0       | 0        | 0   | Dừng triển khai do Bên Bán thay đổi mục đích sử dụng, không bán tài sản.                     |
| 29 | Mua trụ sở Chi nhánh Vietcombank Đông Anh  | 142,000         | 142,000        | 0       | 0        | 0   | Dừng triển khai do Bên bán không hoàn thiện hồ sơ pháp lý để điều kiện chuyển nhượng cho VCB |
| 30 | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Tân Định   | 97,517          | 97,517         | 0       | 0        | 31,983  | 2018 - 2023  |
| 31 | Dự án xây dựng văn phòng, Trung tâm lưu trữ, dự phòng tin học của Vietcombank tại Khu CNC Hòa Lạc  | 87,764          | 87,764         | 0       | 0        | 1,406   | 2022 - 2023  |
| 32 | Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Thành phố Hồ Chí Minh - số 10 Võ Văn Kiệt, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (Tên cũ: Vietcombank Bến Thành) |                 |                | 0       | 0        | 1,442   | Đang lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi  |

| TT | Tên dự án  | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án |
|----|--|-----------------|----------------|---------|----------|---|---------------------------|
| 33 | Xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Vũng Tàu tại số 27 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu | 112,052         | 112,052        | 0       | 0        | 48,809  | 2019 - 2023               |
| 34 | Xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Hoàn Kiếm tại 78 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội            | 73,211          | 73,211         | 0       | 0        | 18,117  | 2019 - 2023               |
| 35 | Xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Đông Bình Dương tại lô A17a, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương   | 75,084          | 75,084         | 0       | 0        | 1,707   | 2019 - 2023               |
| 36 | Xây dựng trụ sở Vietcombank Thái Bình tại số 75 Lê Lợi, TP Thái Bình   | 99,499          | 99,499         | 0       | 0        | 53,247  | 2019 - 2023               |
| 37 | Xây dựng trụ sở Vietcombank Bình Dương tại số 314 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương          | 96,764          | 96,764         | 0       | 0        | 2,567   | 2019 - 2023               |
| 38 | Dự án Đầu tư xây dựng công trình Trung tâm số hóa và Kho lưu trữ chứng từ kết hợp công trình văn hóa thể thao của VCB tại Bắc Ninh   | 155,284         | 155,284        | 0       | 0        | 23,105  | 2022 - 2023               |

| TT   | Tên dự án   | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án  |
|--|---|-----------------|----------------|---------|----------|---|--|
| 39   | Mua Trụ sở chính VCB  | 1,253,500       | 1,253,500      | 0       | 0        | 0   | Thời gian triển khai dự án ban đầu dự kiến từ năm 2021-2022; hiện tại đang xem xét thay đổi phương án. |
| 40   | Nhận chuyển nhượng QSD đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Đắk Nông (đấu giá)  | 75,000          | 75,000         | 0       | 0        | 0   | Triển khai thực hiện theo thông báo đấu giá của tỉnh   |
| 41   | Mua trụ sở Chi nhánh Vietcombank Nghi Sơn   | 98,000          | 98,000         | 0       | 0        | 0   | 2022-2024  |
| 42   | Nhận chuyển nhượng QSD đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Yên Bái (đấu giá)   | 60,000          | 60,000         | 0       | 0        | 0   | 2022-2024  |
| 43   | Dự án đấu giá QSD đất và TS gắn liền với đất để xây trụ sở cho Chi nhánh VCB Tiền Giang | 133,315         | 133,315        | 0       | 0        | 133,315   | 2022   |
| 44   | Thuê trụ sở làm việc cho Chi nhánh VCB Bình Tây   | 69,815          | 69,815         | 0       | 0        | 16,536  | 2022   |
| <b>Dự án mua sắm tài sản là thiết bị công nghệ thông tin</b> |   |                 |                |         |          |   |  |

| TT | Tên dự án  | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án   |
|----|--|-----------------|----------------|---------|----------|---|---|
| 45 | Tên gói thầu: đầu tư mua sắm máy ATM, vật tư và dịch vụ đi kèm cho VCB   | 141,407         | 141,407        | 0       | 0        | 141,401   | 23 tháng kể từ ngày Quyết định đầu tư được phê duyệt (từ ngày 03/05/2017)   |
| 46 | Tên gói thầu: Mua sắm hệ thống lưu trữ tập trung và sao lưu dữ liệu cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam       | 126,927         | 126,927        | 0       | 0        | 124,543   | 14,5 tháng kể từ ngày Quyết định đầu tư được phê duyệt (từ ngày 15/02/2019) |
| 47 | Tên gói thầu: Đầu tư triển khai giải pháp quản lý dịch vụ CNTT (ITSM) cho NHNT                                     | 85,439          | 85,439         | 0       | 0        | 84,968  | 15,5 tháng kể từ ngày Quyết định đầu tư được phê duyệt (từ ngày 18/02/2019) |
| 48 | Tên gói thầu: Triển khai nâng cấp mở rộng hệ thống máy chủ ảo hóa và máy chủ vùng an toàn bảo mật cho NHNT         | 78,652          | 78,652         | 0       | 0        | 77,851  | 14,5 tháng kể từ ngày Quyết định đầu tư được phê duyệt (từ ngày 18/02/2019) |
| 49 | Tên gói thầu: Đầu tư giải pháp phần mềm hệ thống khởi tạo khoản vay cho khách hàng bán buôn tại Vietcombank (CLOS) | 69,636          | 69,636         | 0       | 0        | 69,636  | 23 tháng  |

| TT | Tên dự án   | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án   |
|----|---|-----------------|----------------|---------|----------|---|---|
| 50 | Tên gói thầu: Trang bị hệ thống trực thanh toán (Hệ thống Payment Hub) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam   | 119,280         | 119,280        | 0       | 0        | 119,280   | Dự án được triển khai từ ngày 11/11/2019, thời gian triển khai trong vòng 12 tháng, 02 tháng để hoàn thiện hồ sơ thanh toán/thanh lý hợp đồng |
| 51 | Tên gói thầu: Trang bị hệ thống trực thanh toán và quản lý dòng tiền (Hệ thống PCM) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                              | 113,343         | 113,343        | 0       | 0        | 0   | Dự án được triển khai từ ngày 05/06/2019, Thời gian triển khai trong vòng 18 tháng  |
| 52 | Đầu tư hệ thống Quản lý tài sản nợ - tài sản có và Chuyển giá vốn nội bộ (ALM/FTP)  | 93,252          | 93,252         | 0       | 0        | 93,252  | Tháng 8/2019 (phê duyệt của HĐQT VCB)   |
| 53 | Tên gói thầu: Thay thế phần mềm ghi nhận giao dịch, hạch toán và quản lý các giao dịch Vốn (phần mềm V-treasury) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 88,950          | 88,950         | 0       | 0        | 70,844  | 22 tháng  |

| TT | Tên dự án   | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay | Vốn khác | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo | Thời gian thực hiện dự án   |
|----|---|-----------------|----------------|---------|----------|---|---|
| 54 | Tên gói thầu: Hệ thống thông tin quản lý toàn hàng và kho dữ liệu doanh nghiệp (MIS) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 155,576         | 155,576        | 0       | 0        | 0   | 2019 - 2022   |
| 55 | Dự án Trung tâm dữ liệu dự phòng tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc  |                 |                | 0       | 0        | 0   | Đang thực hiện Hợp đồng Thuê Tư vấn Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi. |



**PHỤ LỤC 02**

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

Đơn vị: tỷ đồng

| TT       | Tên doanh nghiệp  | Vốn điều lệ | Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ | Tổng tài sản | Doanh thu | Lợi nhuận trước thuế | Lợi nhuận sau thuế | Lợi nhuận nộp về công ty mẹ | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước | Tổng nợ phải trả |
|----------|---|-------------|--------------------------------|--------------|-----------|----------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------------------|------------------|
| <b>1</b> | <b>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b> |             |                                |              |           |                      |                    |                             |                                   |                  |
| 1.1      | Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào                  | 912.61      | 1,820.40                       | 1,141.26     | 80        | 31.95                | 28.97              | 15.09                       | 2.98                              | 140.58           |
| 1.2      | Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank               | 500         | 500                            | 5,915.30     | 391.23    | 132.23               | 105.78             |                             | 26.59                             | 4,707.38         |
| 1.3      | Công ty TNHH MTV Kiều hồi Vietcombank                         | 30          | 30                             | 1,340.27     | 81.83     | 10.12                | 8.39               |                             | 5.56                              | 1,293.20         |
| 1.4      | Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank                          | 2,500       | 1,734.82                       | 7,356.22     | 1,029.80  | 250.19               | 202.75             |                             | 313.50                            | 3,767.66         |
| 1.5      | Công ty Tài chính Việt Nam tại HongKong                       | 317.45      | 235.22                         | 1,572.90     | 49.44     | 3.53                 | 2.99               | 0.50                        |                                   | 1,137.13         |

| 2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ |   |        |        |          |        |        |        |       |       |        |
|--|---|--------|--------|----------|--------|--------|--------|-------|-------|--------|
| 2.1  | Công ty Chuyển tiền Vietcombank                               | 259.27 | 204.98 | 406.81   | 108.09 | 16.33  | 16.06  |       |       | 231.47 |
| 2.2  | Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198                           | 100    | 70     | 348.52   | 146.51 | 75.32  | 60.14  | 43.86 | 26.82 | 86.23  |
| 2.3  | Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Benthanh       | 789.16 | 410.36 | 1,302.45 | 400.22 | 183.08 | 146.26 | 54.54 | 63.43 | 153.76 |
| 2.4  | Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank | 265    | 135.15 | 347.91   | 70.12  | 10.52  | 8.31   |       | 2.22  | 7.21   |